TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HƯNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/HSST
Ngày: 21/4/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Tiến Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Lê Đình Cự
2. Ông Nguyễn Duy Quyến.

Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thuận Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng

Đại diện VKSND huyện Đông Hưng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 4 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình đã xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 21/2020/HSST ngày 13/3/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐXXST- HS ngày 03/4/2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Th, sinh ngày 31/10/1991. Tại: thôn P, xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú (cũ): thôn P, xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú (mới): thôn P, xã M, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

(Do xã M và xã Đ sát nhập thành xã M có hiệu lực kể từ ngày 01/4/2020)

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 12/12 ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Văn T và bà: Lý Thị N ; Bị cáo chưa có vợ; Tiền sự: Không;

Tiền án: Có 03 tiền án.

1-Bản án số 175/2015/HSST ngày 27/10/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xử phạt Th 7 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, phải nộp 200.000 đồng án phí. Ngày 10/12/2015 Th nộp xong án phí.

2-Bản án số 79/2015/HSST ngày 17/11/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng xử phạt Th 8 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Phải bồi thường 3.000.000 đồng, phải nộp án phí 200.000 đồng. Ngày 08/01/2016 Th nộp xong án phí, ngày 25/12/2017, Th nộp xong tiền bồi thường.

Tổng hợp hình phạt của 2 bản án trên là 01 năm 03 tháng tù, ngày 30/8/2016 Th chấp hành xong.

3-Bản số 79/2017/HSST ngày 28/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng xử phạt Th 9 tháng tù về tội trộm cắp tài sản (tài sản trộm cắp

trị giá 490.000 đồng), phải nộp 200.000 đồng án phí, ngày 24/7/2018 Th chấp hành xong hình phạt tù.

Nhân thân: tháng 9 năm 2011 tham gia quân đội, đến ngày 29/01/2013 xuất ngũ về địa phương.

Bị cáo bị tạm giữ sau chuyển sang tạm giam từ ngày 04/01/2020. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

***- Bị hại*:**

Anh Đào Xuân Duẩn sinh năm 1971

Trú tại: thôn P, xã M (tên cũ là xã Đ), huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

(Vắng mặt tại phiên tòa không có lí do)

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:**

Anh Nguyễn Trọng M sinh năm 1980

Trú tại thôn K, xã L (tên cũ là xã H), huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Anh Nguyễn Quốc T, sinh năm 1979.

Trú tại: Thôn T, xã M (tên cũ là xã M), huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

(Đều vắng mặt tại phiên tòa không có lí do)

***+ Người làm chứng*:**

- Bà Lý Thị N, sinh năm 1965

-Anh Nguyễn Văn K – sinh năm 1985

Đều trú tại: thôn P, xã M, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

(Vắng mặt tại phiên tòa không có lí do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn Th là người có 3 tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích. Khoảng 17 giờ ngày 03/01/2020 Th đi bộ từ nhà đến thửa ruộng của gia đình ở cánh đồng Thôn để phun thuốc diệt cỏ cùng mẹ của Th là bà Lý Thị N. Sau khi phun thuốc xong bà N đi về nhà trước, Th đi về sau. Khi Th đi bộ qua khu vực trang trại chăn nuôi của anh Đào Xuân D, ở thôn P, xã Đ (nay là xã M), huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, Th quan sát thấy trong lán cạnh ao nuôi cá có dựng một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Nagaki sơn màu xanh biển kiểm soát 17H6-2702 không có người trông coi, xung quanh không có ai nên Th nảy sinh ý định trộm cắp xe. Th đi bộ đến gần chiếc xe mô tô, thấy xe không khóa cổ, không có chìa khóa điện nên Th dùng 2 tay dong xe đi bộ theo đường trục xã Đ sang xã H (nay là xã L). Khi đến quán sửa xe máy của anh Nguyễn Trọng M, thì Th dong xe vào quán (mục đích sửa cho xe nổ máy). Khi vào quán Th bảo anh M: *"Anh sửa hộ em chiếc xe"*. Anh M kiểm tra khởi động máy nhưng xe không nổ được. Thấy vậy, Th bảo anh M: *"Thế anh có mua không em bán cho anh"*. Anh M hỏi Th: *"Bán bao nhiêu"*. Th nói: *"Bảy trăm nghìn"*. Anh M bảo Th: *"Năm trăm nghìn đồng chứ bảy trăm đắt"* anh không mua nên Th đồng ý bán với giá 500.000 đồng. Anh M hỏi Th: *"Đăng ký của xe đâu"*. Th nói:

"Đăng ký xe cắm ở quán cầm đồ thành phố". Anh M bảo: *"Mai cầm đăng ký xe đến anh trả thêm tiền"*. Sau đó anh M yêu cầu Th viết giấy bán xe thì Th viết vào mặt trong của tờ giấy dạng bìa vở học sinh do anh M đưa với nội dung: Bán cho anh M xe máy biển kiểm soát 17H6-2702 với giá 500.000 đồng. Th ký tên người bán là Nguyễn Văn T với mục đích tránh bị phát hiện. Sau đó, M đưa cho Th 500.000 đồng, số tiền này Th đã chi tiêu cá nhân hết. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày thì anh D là chủ sở hữu xe phát hiện mất xe nên sáng 04/01/2020 anh D đến Công an huyện trình báo.

Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Hưng đã tiến hành triệu tập, làm việc với Th, Th đã khai nhận hành vi phạm tội. Cơ quan điều tra tiến hành làm việc với anh Nguyễn Trọng M, anh M đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra chiếc xe mô tô trên và 01 tờ giấy bán xe do Th viết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 19 ngày 06/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đông Hưng kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu NAGAKI sơn màu xanh, biển kiểm soát 17H6 - 2702 đã qua sử dụng, đăng ký ngày 19/5/2004 có trị giá là **1.200.000 đồng** *(Một triệu hai trăm nghìn đồng);*

Tại bản cáo trạng số 24/CT-VKSĐH ngày 12/3/2020Viện kiểm sát huyện Đông Hưng đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Th - Về tội *" Trộm cắp tài sản"* theo Điểm b Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên trình bày bản luận tội:

Tại phiên tòa sơ thẩm không có tình tiết nào mới, do đó Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng giữ nguyên quan điểm như bản cáo trạng đã truy tố.

Đề nghị tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Th – Phạm tội *" Trộm cắp tài sản",* theo Điểm b Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ :

Tại cơ quan điều tra và tại phiên toà bị cáo Nguyễn Văn Th đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Do đó, bị cáo Th được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm, s, h Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo có thời gian tham gia quân đội nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào.

Đề nghị áp dụng Điểm b Khoản 1 Điều 173 và các Điều 50;38, điểm s, h Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Th từ 09 tháng đến 01 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về trách nhiệm dân sự:

Anh D (là bị hại) đã nhận lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu NAGAKI sơn màu xanh, biển kiểm soát 17H6 - 2702 và xác định còn nguyên vẹn nên không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

Anh Nguyễn Trọng M yêu cầu bị cáo bồi thường 500.000 đồng anh đã mua xe do bị cáo bán. Xét thấy khi mua xe giữa anh Mcó hỏi đăng kí xe, bị cáo đã nói dối là đăng kí xe cắm ở hiệu cầm đó. Do đó giao dich mua bán xe là giao dịch ngay thẳng nhưng không hợp pháp. Do đó, buộc bị cáo phải bồi thường cho anh M.

PHẦN NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[I[Về tố tụng

Trong quá trình điều tra,truy tố các Điều tra viên,Kiểm sát viên đã tiến hành thu thập các tài liệu,chứng cứ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, Bị hại, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có khiếu nại,tố cáo. Do đó các tài liệu,chứng cứ trong hồ sơ vụ án là hợp pháp

[II] Về nội dung

[1] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Văn Th đã khai nhận:

Khoảng 17 giờ ngày 03/01/2020 Th đi bộ từ nhà đến thửa ruộng của gia đình để phun thuốc diệt cỏ cùng mẹ của Th là bà Lý Thị N. Sau khi phun thuốc xong bà N đi về nhà trước, Th đi về sau. Khi Th đi bộ qua khu vực trang trại chăn nuôi của anh Đào Xuân D, ở thôn P, xã Đ(nay là xã M), huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, Th quan sát thấy trong lán cạnh ao nuôi cá có dựng một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Nagaki sơn màu xanh , không có người trông coi, xung quanh không có ai nên Th đi bộ đến gần chiếc xe, thấy xe không khóa cổ, không có chìa khóa điện, Th dùng 2 tay dong xe đi bộ theo đường trục xã Đ sang xã H (nay là xã L) đến quán sửa xe máy của anh Nguyễn Trọng M, thì Th dong xe vào quán mục đích sửa cho xe nổ máy. Khi vào quán Th bảo anh M: "Anh sửa hộ em chiếc xe". Anh M kiểm tra khởi động máy nhưng xe không nổ được. Thấy vậy, Th bảo anh M: "Thế anh có mua không em bán cho anh". Anh M hỏi Th: "Bán bao nhiêu". Th nói: "Bảy trăm nghìn". Anh Mbảo Th 500.000 đồng chứ 700.000đồng đắt anh M không mua nên Th đồng ý bán với giá 500.000 đồng. Anh M hỏi Th: "Đăng ký của xe đâu". Th nói: "Đăng ký xe cắm ở quán cầm đồ thành phố". Anh M bảo: "Mai cầm đăng ký xe đến anh trả thêm tiền". Sau đó anh M yêu cầu Th viết giấy bán xe thì Th viết vào mặt trong của tờ giấy dạng bìa vở học sinh do anh Mđưa với nội dung: Bán cho anh M xe máy biển kiểm soát 17H6-2702 với giá 500.000 đồng. Với mục đích che dấu hành vi phạm tội Th ký tên người bán là Nguyễn Văn Tuấn.

Lời khai của bị cáo Th phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyên lợi, nghĩa vụ liên quan và lời khai của người làm chứng. Với giá trị tài sản là chiếc xe mô tô trị giá 1.200.000đ cùng với bị cáo Th có 03 tiền án về hành vi trộm cắp tài sản. Đã có đủ cơ sở kết luận: Nguyễn Văn Th đã phạm tội *" Trộm cắp tài sản"* theo Điểm b Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong

các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

...

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Th là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến quyền quyền sở hữu tài sản của công dân.

[2] Xét tính chất và mức độ của hành vi phạm tội:

Với trị giá chiếc xe mô tô bị chiếm đoạt là 1.200.000đ và các tiền án của bị cáo Th về loại tội xâm phạm quyền sở hữu thì hành vi phạm tội của bị cáo Th thuộc trường hợp ít trọng

[3]+Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào.

[4]+Tình tiết giảm nhẹ:

Tại cơ quan điều tra và tại phiên toà bị cáo Nguyễn Văn Th đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội. Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Do đó, bị cáo Th được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, h Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo có thời gian tham gia quân đội nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét thấy bị cáo đã có 03 tiền án về tội chiếm đoạt tài sản nay lại tiếp tục trộm cắp tài sản. Do đó cần xử phạt bị cáo Th với mức án như Viện Kiểm sát đề nghị là phù hợp.

- Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

- Chiếc xe mô tô nhãn hiệu NAGAKI sơn màu xanh, biển kiểm soát 17H6 - 2702 đăng ký ngày 19/5/2004 mang tên anh Nguyễn Quốc T. Xe này, anh Duẩn mua của anh Nguyễn Quốc T từ năm 2016 khi mua chỉ giao nhận xe và đăng ký xe không viết giấy bán xe không làm thủ tục sang tên đổi chủ. Cơ quan

điều tra đã trả cho anh D chiếc xe mô tô nhãn hiệu NAGAKI biển kiểm soát 17H6 – 2702 là đúng pháp luật. Anh D xác định chiếc xe còn nguyên vẹn nên không yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Nên không đặt ra giải quyết trong vụ án nữa.

- Anh Nguyễn Trọng M yêu cầu bị cáo bồi thường 500.000 đồng anh đã mua xe do bị cáo Th bán. Xét thấy khi mua xe giữa anh Mcó hỏi đăng kí xe, bị cáo đã nói dối là : Xe của bị cáo và là đăng kí xe cắm ở hiệu cầm đó. Anh M còn yêu cầu Th giấy bán xe, anh Mcòn cẩn thận ghi lại ảnh của Th. Do đó giao dịch mua bán xe là giao dịch ngay thẳng nhưng không hợp pháp. Do đó, giao dịch xe mô tô giữa anh Mvà Th là vô hiệu. Vì vậy buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Msố tiền 500.000đ.

[6] Về án phí:

Bị cáo Nguyễn Văn Th phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Về tội danh:

Tuyên bố : Bị cáo Nguyễn Văn Th - Phạm tội *" Trộm cắp tài sản"*

[2] Về áp dụng luật và hình phạt:

- Áp dụng Điểm b Khoản 1 Điều 173;Điều 50; 38; Điểm s, h Khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự .

+ Xử phạt bị cáo:

+Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Th 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/01/2020

[3] Về xử lý vật chứng và tài sản thu giữ:

- Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận việc cơ quan điều tra đã trả lại anh Đào Xuân D chiếc xe mô tô biển kiểm soát 17H6 - 2702.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ vào các Điều 127, 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự.

Buộc Nguyễn Văn Th phải bồi thường cho anh Nguyễn Trọng M500.000đ (Năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày anh Mcó đơn yêu cầu thi hành án nếu bị cáo Th chậm thi hành khoản tiền bị cáo phải bồi thường thì bị cáo phải chịu lãi suất quá hạn do ngân hàng nhà nước quy định tại thời điểm thi hành án, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5] Về án phí:

- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội, quy định mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí.

Bị cáo Nguyễn Văn Th phải chịu 200.000đ tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Về án phí Dân sự sơ thẩm bị cáo Nguyễn Văn Th phải chịu 300.000đ.

[6] Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, Bị hại, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩmtrong thời hạn 15 ngày. Đối với người có mặt tại phiên tòa kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Đối với người vắng mặt tại phiên tòa kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:	**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
- Bị cáo, -VKS,CA,THA;h :Đông Hưng. - VKSND tỉnh Thái Bình -Bị hại -Người có QLVNVLQ -Sở Tư pháp (khi án có hiệu lực) -LưuHS,VP.	**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa** **(Đã ký)** **Bùi Tiến Hưng**